

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC ĐỘ TUỔI 24 - 36 THÁNG TUỔI**  
**NĂM HỌC: 2024 – 2025**

**I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG**

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
TT	Mục tiêu			
<b>1. Lĩnh vực phát triển thể chất</b>				
<i>a. Phát triển vận động</i>				
1	- Trẻ thực hiện được các động tác trong bài thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra (thổi bóng, gà trống gáy, thổi nơ, còi tàu...) - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vịn người sang 2 bên - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.	1->9	
2	- Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay.	- Đi theo hiệu lệnh - Đi trong đường hẹp - Đi có mang (bê) vật trên tay - Đi bước qua gậy kê cao - Bước lên xuống bậc có vịn - Đi theo đường ngoằn ngoèo - Đi bước vào các ô - Đi kết hợp với chạy - Bước lên xuống bậc cao 15 cm - Chạy theo hướng thẳng - Đứng co 1 chân - Chạy đổi hướng	1->9	
3	- Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: Tung-bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1- 1,2m	- Tung bắt "bóng" cùng cô - Tung bóng bằng hai tay - Tung bóng qua dây - Ném bóng vào đích	1,2,3, 6,7,9	
4	- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	- Bò thẳng hướng theo đường hẹp - Bò thẳng hướng có vật trên lưng - Bò chui qua cổng - Bò qua vật cản	1->9	

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bò theo đường đích dắc</li> <li>- Bò theo đường ngoằn ngoèo</li> <li>- Trườn chui qua cổng</li> <li>- Trườn qua vật cản</li> </ul>		
5	- Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném xa lên phía trước bằng một tay (Tối thiểu 1,5 m)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bật tại chỗ</li> <li>- Bật xa bằng 2 chân</li> <li>- Ném bóng về phía trước</li> <li>- Nhún bật về phía trước</li> <li>- Bật qua vạch kẻ</li> <li>- Bật qua các vòng</li> </ul>	1->9	
6	- Trẻ vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện "múa khéo"	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé.</li> <li>- Đóng cọc bàn gỗ.</li> </ul>		
7	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay- mắt trong các hoạt động: khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhón nhặt đồ vật.</li> <li>- Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây.</li> <li>- Chắp ghép hình</li> <li>- Chồng, xếp 6-8 khối</li> <li>- Tập cầm bút tô, vẽ</li> <li>- Lật mở trang sách.</li> </ul>	1->9	
<b>b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</b>				
8	- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau.</li> <li>- <i>Kỹ năng cầm bát, thìa đúng cách</i></li> <li>- Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống.</li> <li>- Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định.</li> <li>- <i>Kỹ năng rửa tay</i></li> <li>- <i>Kỹ năng rửa mặt</i></li> </ul>	1,2,4,5, 6,7,8,9	
9	- Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa	- Luyện thói quen 1 giấc ngủ trưa.	1->5	
10	- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định.</li> <li>- Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. (<i>Nơi vệ sinh của bạn trai, nơi vệ sinh của bạn gái.</i>)</li> <li>- <i>Kỹ năng nhận biết nhà vệ sinh trai,</i></li> </ul>	1->4	



		<i>gái</i>		
11	- Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...)	- Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. + Đi dép, đi vệ sinh + Chuẩn bị chỗ ngủ: lấy gối. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín, rửa tay trước khi ăn; + Lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. - <i>Kĩ năng cất ghế sau khi ăn</i> - <i>Kĩ năng cất gối vào tủ</i>	5,6,7,8,9	
12	- Trẻ chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; Trẻ <i>đeo khẩu trang khi đi ra đường để phòng tránh dịch bệnh và bảo vệ sức khỏe</i> , đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	+ Tập tự phục vụ: - <i>Đội mũ khi ra nắng, biết nắng làm mình bị ốm, đeo khẩu trang khi đi ra đường để phòng tránh dịch bệnh và bảo vệ sức khỏe</i> , - Mặc quần áo ấm khi trời lạnh, - Đi giày dép - <i>Kỹ năng mặc áo, cởi áo</i> - <i>Kỹ năng đi dép</i> - <i>Kỹ năng đội mũ</i>	5,9	
13	- Trẻ biết tránh một số vật dụng nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, tách nước...), nơi nguy hiểm ( <i>giếng, ao, mương...</i> ) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm ( <i>dao, kéo, vật sắc nhọn, bình nước nóng...</i> ) những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần ở trường lớp mầm non: (Tách nước, nhà kho, ổ điện, ao, mương...). - <i>Kỹ năng nhận biết một số vật dụng nguy hiểm</i> - <i>Kỹ năng phòng tránh một số con vật nguy hiểm</i>	4,6,9	
14	- Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh ( <i>leo trèo lên lan</i>	1,9	

	trèo lên lan can, <i>cầu thang, chơi gần ao, nương...</i> , chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	<i>can, đu bám giá đồ chơi, xô đẩy bạn, đóng mở cửa, kéo, với các vật trên cao...</i> - <i>Kỹ năng kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm</i> - <i>Kỹ năng không đi theo người lạ</i>		
<b>2. Lĩnh vực phát triển nhận thức</b>				
15	- Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng – mềm, trơn, nhẵn, sù sù.. ( <i>Một số loại quả quen thuộc gần gũi có tại quê hương Điện Biên</i> ) + <i>Ngửi một số loại hoa quen thuộc.</i> - Nếm vị của 1 số thức ăn, quả (ngọt- mặn- chua). - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. ( <i>đồ dùng đặc trưng của gia đình người H'Mông...</i> ) - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp.	5,6,7	
16	- Trẻ biết Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.		1,3,4	
17	- Trẻ chơi bắt chước được một số hành động quen thuộc của những người gần gũi.	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài, <i>quyền con người</i> của bản thân. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình.	1,4	
18	- Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.		1,2	
19	- Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	- Tên, chức năng chính một số bộ phận cơ thể của con người: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.	2	
20	- Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	- Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.	3,6,7,8	



21	- Trẻ biết chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/ vàng/ xanh theo yêu cầu.	- Màu đỏ, vàng, xanh.	4,8	
22	- Trẻ biết chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	- Kích thước (To- nhỏ) - Hình tròn, hình vuông - Vị trí trong không gian (trên- dưới-, trước- sau) so với bản thân trẻ. - Số lượng (Một- nhiều)	2, 3, 4, 9	
<b>3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ</b>				
23	- Trẻ biết thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: “Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay!”.	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.	7,8,9	
24	- Trẻ trả lời <i>1 số câu hỏi đơn</i> giản: “ Ai đây?”; “Cái gì đây?”; “...làm gì?”; “... thế nào?” (Ví dụ: “Con gà gáy thế nào?...”).	- Nghe các câu hỏi: cái gì? Làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào? - Trả lời và đặt câu hỏi: “ Cái gì?”; “Làm gì?”; “Để làm gì?”; “Ở đâu?; “...thế nào?; “Tại sao?”...	5,6, 7,8,9	
25	- Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: <i>Trả lời được 1 số câu hỏi đơn giản về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.</i>	- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý. - Lắng nghe người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. - <i>Xem tranh ảnh, các di tích lịch sử văn hóa của dân tộc H'Mông.</i>	1->9	
26	- Trẻ phát âm rõ tiếng.	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.	1->9	
27	- Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ. ngắn có câu 3-4 tiếng		
28	- Trẻ nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.	6,7,8,9	
29	- Trẻ biết sử dụng lời nói với	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và		

	<p>các mục đích khác nhau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chào hỏi, trò chuyện.</li> <li>+ Bày tỏ nhu cầu của bản thân.</li> <li>+ Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “ Con gì đây?”; “Cái gì đây?”...</li> <li>+ Trẻ người dân tộc thiểu số sử dụng được 1 số từ ngữ và câu bằng tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ trong giao tiếp hằng ngày.</li> </ul>	<p>hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trẻ người dân tộc thiểu số sử dụng được 1 số từ ngữ và câu bằng tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ trong giao tiếp hằng ngày.</li> </ul>	1,2,3,7	
30	- Trẻ biết nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.	5->9	
<b>4 . Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ</b>				
31	- Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi)	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài, <i>quyền con người</i> của bản thân.	2	
32	- Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích.	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình	3	
33	- Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh. Nói được 1 số từ tiếng việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ	3->9	
34	- Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.	2	
35	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.			
36	- Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: Bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Quan tâm đến các vật nuôi.	6	
37	- Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ” chơi cạnh bạn, không cầu bạn. - <i>Kỹ năng chào hỏi</i>	1,4,5,6	
38	- Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	1->5	



	qua trò chơi giả bộ (Trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)			
39	- Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.	1,2,3	
40	- Trẻ biết thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định. - Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên. <i>- Kỹ năng cất đồ chơi đúng nơi quy định</i>	1,3,8	
41	- Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau về địa phương như: Ính lả ơi, xòe hoa..., nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.	1->9	
42	- Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (Cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc)...	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. - Xem tranh.	1->9	

## II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Tháng	Chủ đề, thời gian thực hiện	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/hội	Ghi chú
Từ ngày 9/9- 04/10/2024	BÉ VUI ĐẾN TRƯỜNG (4 tuần)	Bé yêu cô giáo	1	Ngày 2/9	
		Bé vui tết trung thu	1		
		Các bạn lớp mình	1		
		Đồ dùng ở lớp của bé	1		
Từ ngày 07/10- 01/11/2024	BÉ BIẾT GÌ VỀ BẢN THÂN (4 tuần)	Bé là ai	1		
		Cơ thể diệu kỳ của bé	1		
		Bé cần gì để lớn	1		
		Đồ dùng ở lớp của bé	1		
Từ ngày 04/11- 29/11/2024	ĐỒ DÙNG ĐỒ CHƠI CỦA BÉ - NGÀY 20/11 (4 tuần)	Bé thích chơi gì	1	Ngày 20/11	
		Đồ chơi trong lớp của bé	1		
		Ngày hội của cô giáo	1		
		Đồ dùng của bé	1		

Từ ngày 02/12- 27/12/ 2024	MẸ VÀ NHỮNG NGƯỜI THÂN YÊU CỦA BÉ (4 tuần)	Mẹ yêu của bé	1		
		Những người thân của bé	1		
		Đồ dùng trong gia đình bé	1		
		Đồ dùng trong gia đình bé	1		
Từ ngày 30/12 - 24/1/2025	TẾT VÀ MÙA XUÂN (3tuần)	Mùa xuân đến rồi	1	Tết nguyên đán	
		Mùa xuân tươi đẹp	1		
		Ngày Tết vui vẻ	1		
Từ ngày 3/02 đến 28/02/2025	NHỮNG CON VẬT BÉ YÊU (4 tuần)	Con vật nuôi trong gia đình có hai chân	1		
		Con vật nuôi trong gia đình có 4 chân	1		
		Những con vật sống trong rừng	1		
		Những con vật sống dưới nước	1		
Từ ngày 3/3/2025 – 28/3/2025	BÉ YÊU CÂY XANH - NGÀY 8/3 (4 tuần)	Ngày 8/03	1	Ngày 8/3	
		Bé yêu hoa	1		
		Cây xanh quanh bé	1		
		Bé thích các loại quả	1		
Từ ngày 31/3- 25/4/2025	BÉ THÍCH ĐI BẰNG PTGT GÌ? (4 tuần)	PTGT đường bộ	1		
		PTGT đường bộ	1		
		Bé biết gì về Máy bay	1		
		Thuyền, tàu thủy	1		
Từ ngày 28/4 – 23/5/2024	NƯỚC VÀ MÙA HÈ – BÉ LÊN MẪU GIÁO (4 tuần)	Nước cần cho bé	1	30/4 – 1/5	
		Thời tiết mùa hè	1		
		Bé lên mẫu giáo	1		
		Bé lên mẫu giáo	1		
<b>Cộng</b>			<b>35</b>		



**Phạm Bích Nguyệt**

**TỔ TRƯỞNG**  
(Duyệt)

**Trần Thị Nguyệt Nga**

**NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

**Trần Thu Hạnh**